|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI  **VIỆN ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**  **Đề số: 2**  **Tổng số trang: 2** | | **ĐỀ THI MÔN: KIẾN TRÚC MÁY TÍNH**  *Lần thi: 1*  *Ngày thi: 29/12/2014*  *Thời gian làm bài: 90 phút*  ***(Được sử dụng tài liệu tham khảo, nộp đề thi cùng với bài làm)*** |
| Ký duyệt | Trưởng nhóm Môn học: | Trưởng Bộ môn: |

**Câu 1: (3điểm)**

1/ Hiển thị quá trình thực thi lệnh của bộ xử lý MIPS 5 giai đoạn đường ống khi thực thi đoạn mã lệnh sau, các chu kỳ chờ khi có xung đột biểu diễn bằng dấu \*. Hãy tính CPI biết $t2 = 64

Loop: lw $t1, 0($t2)

lw $t3, 1000($t2)

add $t1, $t1, $t3

sw $t1, 2000($t2)

lw $t4, -4($t2)

lw $t5, 996($t2)

add $t4, $t4, $t5

sw $t4, 1996($t2)

addi $t2, $t2, -8

bne $t2, $zero, Loop

2/ Máy tính có tham số bộ nhớ như sau: Kích thước bộ nhớ chính 4Gbyte, kích thước bộ đệm 64Kbyte, kích thước 1 khối bộ đệm là 256byte, bộ nhớ ánh xạ trực tiếp. Xác định số bit của trường Tag, block offset, word offset.

3/ Biết đoạn mã lệnh trên bắt đầu từ lệnh có địa chỉ 0x80000000, xác định giá trị của trường Tag, block offset, word offset trong bộ đệm lệnh và bộ đệm dữ liệu khi toàn bộ chương trình trên được ghi vào bộ đệm.

**Câu 2:** (4 điểm )

Một chương trình gồm 2 vòng lặp : Vòng lặp nhỏ bên trong và vòng lặp lớn bên ngoài, theo cấu trúc chương trình biểu diễn theo hình vẽ. Địa chỉ bộ nhớ biểu diễn trong hệ nhị phân, các địa chỉ tương ứng với địa chỉ trong bộ nhớ lệnh, thực thi tuần tự từ trên xuống dưới. Các lệnh có địa chỉ từ 228 - >355 thuộc vòng lặp nhỏ bên trong, lặp 20 lần tương ứng với mỗi vòng lặp lớn bên ngoài. Các lệnh có địa chỉ từ 164 -> 227 và 356 - > 675 thuộc vòng lặp lớn bên ngoài và mỗi lệnh lặp 10 lần tương ứng. Chương trình chạy trên máy tính có bộ nhớ đệm kiểu ánh xạ trực tiếp, bộ nhớ đệm có 64 khối (block), mỗi khối chứa 4 lệnh. Thời gian truy cập trúng bộ đệm (Hit time) là 1 chu kỳ, thời gian truy cập trượt (Miss time) là 20 chu kỳ. Giả sử thời điểm bắt đầu chạy chương trình là bộ đệm trống, không chứa nội dung.

1. Tính tổng số lệnh của chương trình và số lần truy cập vào bộ đệm lệnh (access time), và tổng số lần truy cập trượt bộ đệm lệnh.
2. Tính tỉ lệ trượt bộ đệm lệnh (miss rate). Biết miss rate = miss time/ access time.
3. Tính thời gian thực thi chương trình trên tương ứng với bộ xử lý đường ống có tốc độ 2GHz. Giả sử chỉ chờ trong trường hợp trượt bộ đệm.
4. Nếu thay thế bộ đệm có kích thước khối lớn hơn, mỗi khối lưu trữ 8 lệnh. Tổng số khối của bộ đệm lệnh vẫn là 64. So sánh thời gian thực thi với ý 3.

Start

100

164

355

675

1099

End

Lặp 20 lần

Lặp 10 lần

228

**Câu 3: (3 điểm)**

Thêm các chú thích để mô tả quá trình thực thi lệnh trong chương trình sau. Giả sử thanh ghi $a0 chứa biến số nguyên n và thanh ghi $v0 để lưu kết quả.

Begin: addi $s0, $zero, 0;

addi $s1, $zero, 1;

loop: slt $s2, $a0, $s1;

bne $s2, $zero, finish;

add $s0, $s0, $s1;

addi $s1, $s1, 2;

j loop

finish: add $v0, $s0, $zero;